

**MỘT SỐ Ý KIẾN GÓP PHẦN XÂY DỰNG
VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM
DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA LUẬT GIÁO DỤC 2019
(QUA THAM KHẢO MỘT SỐ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ)**

Phan Thị Hồng Xuân^{1*}

¹Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,

Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

**Tác giả liên hệ: xuan.pth@hcmussh.edu.vn*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 09/6/2020; Ngày nhận chỉnh sửa: 17/7/2020; Ngày duyệt đăng: 29/8/2020

Tóm tắt

Văn hóa học đường là một bộ phận của văn hóa giáo dục do đó có vai trò rất quan trọng đối với giáo dục Việt Nam nói chung, giáo dục đại học Việt Nam nói riêng. Bài viết gồm 2 nội dung chính: (1) Yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa học đường truyền thống trong giai đoạn hiện nay; (2) Ý kiến góp phần xây dựng văn hóa học đường trong các trường đại học Việt Nam từ kinh nghiệm quốc tế.

Từ khóa: *Luật Giáo dục năm 2019, kinh nghiệm quốc tế, văn hóa học đường, xây dựng văn hóa trường đại học, yếu tố ảnh hưởng.*

**IDEAS FOR BUILDING VIETNAM'S UNIVERSITY CULTURE
UNDER THE IMPACT OF EDUCATION LAW 2019
(FROM INTERNATIONAL EXPERIENCES)**

Phan Thi Hong Xuan^{1*}

¹University of Social Sciences and Humanities,

Viet Nam National University Ho Chi Minh City

**Corresponding author: xuan.pth@hcmussh.edu.vn*

Article history

Received: 09/6/2020; Received in revised form: 17/7/2020; Accepted: 29/8/2020

Abstract

School culture is a part of the educational one; therefore, it foregrounds Vietnam's education in general and higher education in particular. The article presents two main contents: (1) factors affecting traditional school culture in the current period; (2) some ideas for building school culture in Vietnam's universities from international experiences.

Keywords: *Building college culture, Education Law 2019, influencing factors, international experiences, school culture.*

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, hầu hết các quốc gia trên thế giới ngày càng coi trọng giáo dục đại học và xem đây là yếu tố then chốt cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) quốc gia cũng như cạnh tranh trong nền kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, các con số thống kê từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Việt Nam cho thấy trong khoảng 5 năm trở lại đây, nước ta có khoảng từ 180.000-200.000 người có trình độ đại học thất nghiệp, 60% sinh viên ra trường làm việc không đúng chuyên ngành đào tạo, chỉ có khoảng 15% sinh viên mới ra trường có việc làm đúng ngành nghề đã được đào tạo (Võ Đình Trí, 2018). Những số liệu thống kê bên trên ít nhiều phản ánh sản phẩm của các trường đại học Việt Nam chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội hay nói cách khác thành công của giáo dục đại học không phải chỉ đo lường dựa trên số lượng sinh viên tốt nghiệp ra trường có công ăn việc làm mà còn phải tính đến chất lượng giáo dục trong đó có yếu tố văn hóa.

Theo GS.TSKH Trần Ngọc Thêm, văn hóa học đường là một bộ phận của văn hóa giáo dục nhằm thực hiện hóa triết lý giáo dục bao gồm 4 thành tố chính là chính sách giáo dục, văn hóa giáo dục, tổ chức giáo dục và hạ tầng giáo dục (Trần Ngọc Thêm, 2018). Do đó, thiết nghĩ trong bối cảnh quốc tế hóa đại học, mô hình tự chủ đại học cũng như sự vận động, biến động không ngừng của xã hội, cần thiết phải xây dựng văn hóa học đường đại học trên cơ sở bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc và nền tảng của cách mạng khoa học kỹ thuật tiên tiến mới có thể rút ngắn khoảng cách giáo dục đại học Việt Nam với thế giới, góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho mục tiêu phát triển của Việt Nam trong bối cảnh quốc tế hóa giáo dục đại học.

2. Nội dung

2.1. Yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa học đường trường đại học Việt Nam hiện nay

Là một bộ phận của văn hóa giáo dục, văn

hóa học đường có những đặc trưng của văn hóa như mang tính hệ thống, tính giá trị và tính lịch sử. Bởi vậy, văn hóa học đường cũng như văn hóa giáo dục theo thời gian cũng có những biến động dẫn đến sự biến đổi, đổi mới nhưng không thể mất đi hoàn toàn tính truyền thống - tiếp biến văn hóa. Với sự hiểu biết hạn hữu, dưới đây tác giả trình bày một số yếu tố ảnh hưởng có thể tác động đến văn hóa học đường trong các trường đại học Việt Nam hiện nay.

2.1.1. Thành tựu của Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư

Cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư gọi tắt là “Cách mạng 4.0”, bắt đầu từ những năm 2000 với quy mô và tốc độ phát triển chưa từng có, đã và đang làm thay đổi thế giới. Nhờ công nghệ AI và cơ sở dữ liệu lớn, người máy với trí tuệ nhân tạo tỏ ra làm việc thông minh hơn, năng suất hơn khiến cho nguồn nhân lực chất lượng cao (được đào tạo 12 năm giáo dục phổ thông, 4 năm giáo dục đại học) đang bị đe dọa nghiêm trọng. Việt Nam là quốc gia có dân số đứng hạng thứ 15 trên thế giới (thống kê năm 2020) với nguồn lao động dồi dào không còn là thế mạnh cạnh tranh toàn cầu như những thế kỷ trước. Nền kinh tế của các quốc gia phát triển đang chuyển từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức. Sự bùng nổ thông tin và năng lực cạnh tranh cho thấy những kiến thức được tiếp thu trước đây không thể sử dụng suốt đời, nền học vấn trước đây đã không còn phù hợp và đáp ứng được với yêu cầu của thời đại, do vậy, giáo dục cũng cần phải đổi mới mới có thể hoàn thành được sứ mạng và chức năng, vai trò của mình đối với sự phát triển của đất nước.

Cải cách giáo dục để chuẩn bị nguồn nhân lực trong cuộc cách mạng 4.0 được đề cập rất nhiều trong thời gian gần đây chứng tỏ tầm quan trọng và sự quan tâm của các cấp, các ngành và toàn xã hội. Trích lời của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Phùng Xuân Nhạ tại Diễn đàn cấp cao và Triển lãm quốc tế về công nghiệp 4.0 vào đầu tháng 10/2019: “Ngành giáo dục đã chủ động và chuẩn bị sẵn sàng cho nguồn nhân lực này. Đối

với bậc đại học, ngành giáo dục đang triển khai nghiên cứu mô hình trường đại học 4.0, mô hình đại học thông minh gắn với sáng tạo” (Trung tâm Truyền thông Giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019). Theo đó một số chính sách của Chính phủ về giáo dục và đào tạo để thích ứng với thời đại 4.0 đã được ban hành: Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (4/11/2013); Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư (4/5/2017); Đề án Hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025; Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học giai đoạn 2019 - 2030; Chiến lược Phát triển tổng thể giáo dục đại học giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2035, làm cơ sở cho đổi mới, phát triển toàn diện và bền vững trong dài hạn của hệ thống giáo dục đại học...

Nhiều đơn vị giáo dục cũng đã chủ động tiếp cận với các làn sóng công nghệ giáo dục mới để triển khai đào tạo dựa trên các khóa học đại trà trực tuyến mở (MOOC), đưa công nghệ thực tế tăng cường và thực tế ảo (AR và VR) vào xây dựng hệ thống học tập, hoặc triển khai các hệ thống học tập số hóa thông minh. Chẳng hạn, Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đã đổi mới mô hình, chương trình đào tạo, cho phép người học chủ động lựa chọn, tự lập kế hoạch, đăng ký học các học phần trong chương trình tích hợp. Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh triển khai số hóa với phần mềm quản lý hình ảnh Centricity Universal Viewer và Advanced Visualization, cho phép cải thiện quy trình làm việc, giúp bác sĩ chẩn đoán và thực hiện các báo cáo hiệu quả, chính xác hơn. Nhiều trung tâm, trường học đã xây dựng các lớp học trực tuyến. Mô hình “Samsung Smart School” (Lớp học thông minh) đã hình thành tại Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên, giúp việc tiếp thu kiến thức

trở nên hấp dẫn và thú vị, khuyến khích giao tiếp hai chiều giữa giảng viên và sinh viên.

Thực tế cho thấy, nhờ có sự chuẩn bị thích ứng với đổi mới giáo dục toàn cầu từ sớm nên trong thời gian giãn cách xã hội phòng chống dịch Covid-19, nhiều trường đại học Việt Nam mới có thể vẫn triển khai được việc giảng bằng hình thức giảng dạy từ xa, giúp sinh viên giữ được tâm thế học tập dù không đến trường, giúp giảng viên tiếp cận với nhiều công cụ mới, đa dạng hóa phương thức giảng dạy, ra đề, chấm thi.

Rõ ràng rằng mô hình giáo dục 4.0 dẫn đến sự thay đổi lớn trong mục tiêu và cách thức đào tạo, chuyển từ truyền thụ kiến thức cho số đông sang khai phóng tiềm năng, đồng thời trao quyền sáng tạo cho từng cá nhân. Người dạy sẽ chuyển sang vai trò mới là người thiết kế, xúc tác, cố vấn và tạo môi trường học tập. Phạm vi tương tác trong giáo dục 4.0 dường như không giới hạn về khoảng cách về địa lý cũng như không gian và thời gian. Do vậy, môi trường giáo dục không chỉ diễn ra trong phạm vi nhà trường mà mở rộng ra phạm vi toàn cầu. Người học có thể chủ động nghiên cứu tài liệu cũng như tương tác với giảng viên ở mọi thời điểm bằng máy tính hoặc điện thoại thông minh. Sự phát triển của các hình thức học trực tuyến giúp người học tiết kiệm thời gian, công sức và chi phí. Ngoài ra, nhiều thiết bị và phần mềm thông minh phục vụ giáo dục cũng được các tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới sản xuất và phát hành, chẳng hạn: Bộ công cụ giáo dục Google (G-Suite for Education), Ứng dụng Tài liệu (Google Docs) giúp người học tạo và chỉnh sửa tài liệu trực tuyến, miễn phí. Công nghệ Chroma Key tạo trường quay thu nhỏ để người học tự sản xuất sản phẩm truyền thông. Công nghệ đám mây (Cloud) cung cấp những phần mềm học tập trên Internet có sử dụng tài khoản... (Nguyễn Văn Ty, 2019).

2.1.2. Những điểm mới cơ bản của Luật Giáo dục 2019

Sự ra đời của Luật Giáo dục Việt Nam (sửa đổi bổ sung) năm 2019 được thông qua ngày 14/06/2019, sẽ bắt đầu có hiệu lực thi

hành từ ngày 01/07/2020 với nhiều điểm mới như: (1) Làm rõ tính liên thông, phân luồng, hướng nghiệp trong giáo dục; (2) Quy định Chương trình giáo dục, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục đối với các môn học ở mỗi lớp, mỗi cấp học của giáo dục phổ thông; (3) Bổ sung loại trường tư thục không vì lợi nhuận và chuyển đổi loại hình trường tư thục sang trường tư thục hoạt động không vì lợi nhuận; quy định cụ thể vị trí, chức năng, thành phần hội đồng trường; (4) Quy định nâng trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên, giảng viên (5) Quy định chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với học sinh, sinh viên sư phạm; (6) Quy định chính sách về học phí đối với học sinh diện phổ cập theo đó Nhà nước thực hiện phổ cập giáo dục bắt buộc 9 năm từ năm sau năm 2020; (7) Quy định về đầu tư tài chính cho giáo dục; (8) Quy định các hành vi nghiêm cấm trong cơ sở giáo dục; (9) Tiền lương, phụ cấp của giáo viên được quy định cụ thể hơn; (10) Nhà nước có chính sách hỗ trợ đóng tiền học phí và chi phí sinh hoạt trong toàn khoá học cho sinh viên sư phạm. (Luật Giáo dục Việt Nam, 2019)

Ngoài ra, còn phải kể đến Nghị định Số 99/2019/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2020, trong đó có quy định về cơ chế tự chủ của trường đại học, mấu chốt là Hội đồng trường.

2.1.3. Thực hiện chủ trương “Nâng cao chất lượng “sản phẩm” đào tạo, đáp ứng yêu cầu sử dụng của doanh nghiệp và xã hội”

Mối tương quan giữa chất lượng giáo dục với tình hình phát triển KT-XH. Thực tế cho thấy những quốc gia có tỷ lệ dân số có trình độ dân trí cao sẽ có nhiều lợi thế khách quan để tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra còn góp phần tăng lợi ích về kinh tế do ngân sách giảm chi đối với các khoản về trợ cấp xã hội do thất nghiệp, an toàn xã hội như tội phạm, trộm cắp, ma túy, nghèo đói thường do ít được tiếp cận với giáo dục... (Phạm

Đức Chính và Nguyễn Tiến Dũng, 2014). Một minh chứng khác cho mối quan hệ giữa KT-XH với giáo dục tác động đến văn hóa học đường, chính là sự phát triển công nghệ thông tin. Sự phổ biến của điện thoại thông minh và mạng internet tại Việt Nam chính là một lợi thế lớn cho giáo dục trong thời đại 4.0. Sự phát triển của internet tại Việt Nam giúp học sinh, sinh viên có thể tiếp cận một nguồn thông tin khổng lồ, phong phú xuyên biên giới, theo đó thúc đẩy quá trình tự học, giao lưu học hỏi, tương tác giữa bạn bè, thầy cô... tuy nhiên, việc tiếp cận thông tin qua internet có mặt trái mà các trường đại học rất cần phải lưu tâm, sớm đề ra quy định về văn hóa học đường bậc đại học vì nếu sinh viên ỷ lại vào các kiến thức trên mạng; giảng viên không nghiên cứu thực tiễn thì kiến thức được giảng dạy và tiếp thu sẽ càng nguy hại hơn, đó là chưa kể đến sinh viên dễ dàng tiếp cận với phim ảnh có nội dung không lành mạnh, cổ súy cho lối sống thực dụng, đua đòi; nghiện các trò chơi giải trí trực tuyến mang tính bạo lực, khiêu dâm... trái với truyền thống văn hóa của Việt Nam gây nhiều hệ lụy đã được báo động; bị lôi kéo vào các đường dây buôn bán hàng đa cấp lừa cả người thân, bạn bè; tham gia các hội kín, các tổ chức tà giáo, tham gia các đường dây môi giới mại dâm để phục vụ lối sống hưởng thụ không lành mạnh, lười lao động...

2.1.4. Môi trường và giáo dục gia đình góp phần quan trọng trong việc bồi dưỡng phẩm chất và đào tạo năng lực cho sinh viên các trường đại học

Gia đình và truyền thống gia đình có ảnh hưởng lớn đến quá trình trưởng thành và giáo dục con cái. Không xét đến độ tuổi thanh thiếu niên, ngay cả bước vào bậc đại học cũng như tốt nghiệp ra trường, việc lựa chọn ngành học, trường học, công việc khi tốt nghiệp, rất nhiều sinh viên vẫn luôn chịu sự tác động, chi phối của các bậc phụ huynh. Chính việc chọn ngành không phù hợp, chọn ngành không theo sở thích đã ít nhiều tác động tiêu cực đến thái độ học tập, chất lượng đào tạo và cả lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên sau này. Chưa kể đến những gia đình

thiếu đi sự quan tâm đến con cái, hoặc những gia đình có ba, mẹ là tội phạm, ly dị... đều có những tác động tiêu cực đến tâm lý, hành vi, và nhân cách của các con, ảnh hưởng đến văn hóa học đường nói riêng và chất lượng nguồn nhân lực của xã hội nói chung.

Tóm lại, bốn nội dung trên có thể được ghi nhận là những yếu tố cơ bản, nổi bật ảnh hưởng sâu sắc đến văn hóa học đường truyền thống của các trường đại học Việt Nam trong bối cảnh xã hội hiện đại ngày nay.

2.2. Một số ý kiến góp phần xây dựng văn hóa học đường trường đại học Việt Nam từ kinh nghiệm quốc tế

Giáo dục là một trong các chức năng quan trọng của văn hóa, xét về bản chất, văn hóa vừa là mục tiêu và vừa là nội dung của giáo dục. Do vậy, để phát triển giáo dục, cần có những chính sách phát triển văn hóa, cần xây dựng văn hoá nhà trường trở thành điểm tựa vững chãi cho các chính sách phát triển giáo dục đại học Việt Nam trước bối cảnh hội nhập quốc tế.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ban hành một số Nghị quyết, Chính sách xây dựng, phát triển văn hoá nói chung và văn hoá nhà trường nói riêng, tạo ra khung pháp lý để các cơ sở giáo dục - đào tạo trên cả nước tiến hành cải cách, đổi mới giáo dục và quản lý giáo dục theo hướng tiếp cận xây dựng, phát triển văn hoá nhà trường. Cụ thể: Nghị quyết Hội nghị lần thứ Chín (Khoá XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Chiến lược phát triển của các trường đại học Việt Nam; Luật Giáo dục đại học sửa đổi 2018; Luật Giáo dục năm 2019; Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2030;... đã và đang tác động tích cực đến văn hóa học đường trường đại học.

2.2.1. Kinh nghiệm quốc tế góp phần xây dựng văn hoá học đường trường đại học

Malaysia là quốc gia có sự quan tâm, dành

nhiều ngân sách cho giáo dục. Malaysia đứng hạng thứ 11 trong số 50 quốc gia có nhiều đầu tư cho giáo dục đại học (theo bảng xếp hạng các hệ thống giáo dục đại học quốc gia Universitas 21). Giáo dục đại học chiếm tỷ lệ lớn nhất trong ngân sách dành cho giáo dục và nguồn tài trợ công được giải ngân trực tiếp cho 20 trường đại học công lập trong nước. Năm 2007, 90% ngân sách hoạt động của các trường đại học có nguồn từ chính phủ, còn lại 10% từ học phí và các nguồn thu khác. Mặc dù từ năm 2007 trở đi, chính phủ Malaysia bắt đầu giảm ngân sách dành cho đại học từ 90% xuống còn 70% tuy nhiên con số 70% cũng là tỷ lệ đáng mơ ước đối với giáo dục đại học trong ASEAN.

Về vấn đề chống nạn chạy trường, tham nhũng trong giáo dục, chúng ta có thể tham khảo Đạo luật chống tham nhũng Kim Young Ran (được gọi tắt là “Luật 3-5-10” (dựa theo mức tiền bị giới hạn) của Hàn Quốc - đây là một đạo luật chống tham nhũng từ văn hóa được áp dụng từ năm 2016. Đối tượng áp dụng của Luật Kim Young Ran là các công chức, lãnh đạo các cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước, nghị sĩ Quốc hội, người làm trong ngành báo chí, giáo viên, giảng viên các trường tư thục. Nếu những người này nhận thiết đãi bữa ăn hơn 30.000 won (khoảng 26 USD), quà tặng có trị giá hơn 50.000 won (khoảng 43 USD), tiền hiếu hỷ hơn 100.000 won (khoảng 86 USD) thì sẽ bị xử phạt hành chính. Ngoài ra, người vi phạm có thể đối mặt với nguy cơ bị truy tố hình sự trong một số trường hợp nghiêm trọng. Đạo luật này còn bảo đảm khen thưởng hậu hĩnh có thể lên tới 200 triệu won (khoảng 171.232 USD) cho người tố giác, bắt quả tang hành vi tham nhũng của các quan chức, nhân viên chính phủ (Ngọc Thu, 2016). Đạo luật này cũng có những tác động tích cực trong hệ thống giáo dục của Hàn Quốc.

Cũng nên có chính sách cải cách tiền lương cho đội ngũ quản lý giáo dục, đặc biệt là đội ngũ trực tiếp tham gia giảng dạy. Ở các quốc gia có hệ thống giáo dục phát triển và được thế giới biết đến như Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore

hay Phần Lan... nghề giáo là một nghề nghiệp được ngưỡng mộ và tôn trọng bậc nhất so với các nghề nghiệp khác trong xã hội. Lương nghề giáo tại các quốc gia này mang tính cạnh tranh cao, nằm ở top những nghề nghiệp có mức lương cao nhất trong xã hội. Ở Phần Lan, mức lương của giáo viên còn cao hơn các ngành khác 10%, do vậy ngành giáo dục được rất nhiều sinh viên chọn lựa, trên cả ngành y và luật (Pasi Sahlberg, 2017). Chính phủ ở những nước này có những tính toán để đào tạo số lượng giáo viên, giảng viên phù hợp với nhu cầu xã hội và do đó tiêu chuẩn chọn sinh viên đầu vào ngành sư phạm rất khắc khe. Sinh viên ngành sư phạm ở những nước này luôn nằm trong top những học sinh trung học phổ thông có kết quả học tập cao nhất. Tương tự như ở Phần Lan, tại Singapore, muốn trở thành giảng viên, các ứng viên phải vượt qua những đợt kiểm định và chọn lọc nghiêm ngặt, do vậy chất lượng giảng viên ở Singapore cũng nằm trong top đầu thế giới. Nghề giáo rất được tôn trọng ở Singapore không chỉ bởi truyền thống Nho giáo mà còn bởi lý do để trở thành một giảng viên ở đất nước này phải trải qua nhiều đợt tập huấn, sàng lọc, tuyển chọn rất gắt gao. Chính đội ngũ giảng viên mới góp phần đào tạo nhân tài cho đất nước. Singapore tuyển chọn đào tạo giảng viên từ 1/3 học sinh tốt nghiệp phổ thông đạt kết quả cao nhất.

Bên cạnh đó, cần tăng cường liên kết giữa đại học và doanh nghiệp: năm 1998, Nhật Bản thông qua Luật Xúc tiến chuyển giao kỹ thuật của đại học; năm 2000, Nhật Bản lại thông qua Luật Tăng cường năng lực công nghệ doanh nghiệp; năm 2002, Chính phủ Nhật tài trợ cho các trường đại học xây dựng chế độ quản lý sở hữu trí tuệ ở đại học; năm 2003, Chính phủ cho phép thành lập Cơ quan Quản lý sở hữu trí tuệ, trực thuộc Bộ Giáo dục và Khoa học; Năm 2006, trong Luật Giáo dục sửa đổi, Điều 7, Mục 1 ghi rõ “Đại học với tư cách là trung tâm học thuật, cùng với việc đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực cao cho đất nước phải đóng góp cho sự phát triển của xã hội bằng việc nghiên cứu chuyên sâu về con người, bằng sáng tạo khoa học mới và cung

cấp rộng rãi cho xã hội những thành quả của sự sáng tạo đó”. Năm 2008, Chính phủ Nhật trong “Chiến lược liên kết giữa doanh nghiệp đại học và nhà nước” đã giao cho Bộ Giáo dục và Khoa học thực thi 3 điểm chính: (1) Xúc tiến liên kết doanh nghiệp đại học và nhà nước có tầm quốc tế; (2) Xúc tiến hoạt động liên kết doanh nghiệp đại học và nhà nước; (3) Tăng cường nền tảng hoạt động sở tăng cường nền tảng hoạt động sở hữu trí tuệ (Nguyễn Tiến Lực, 2014, tr. 334-336).

2.2.2. Một số ý kiến góp phần xây dựng văn hóa học đường trường đại học Việt Nam

Bên cạnh sự quan tâm, dành ngân sách ưu đãi cho giáo dục nói chung, giáo dục đại học nói riêng, thiết nghĩ Bộ Giáo dục và Đào tạo cần công bố sớm triết lý giáo dục đại học Việt Nam, tầm nhìn đến năm 2030. Tham khảo bản Kế hoạch Giáo dục Đại học Malaysia (MHEB 2015-2025)” do Thủ tướng quốc gia này công bố vào tháng 4/2015 cho thấy có 5 mục tiêu: tuyển sinh, chất lượng, bình đẳng, thống nhất và hiệu quả. Cụ thể:

(1) Tuyển sinh: Cải thiện tỷ lệ tuyển sinh hệ dự bị đại học từ 3 đến 53% và hệ cử nhân đại học từ 48 đến 70% - biện pháp thực hiện: phát triển thêm các chương trình đào tạo nghề và kỹ thuật (TVET) thông qua các tổ chức giáo dục tư nhân và đào tạo trực tuyến.

(2) Chất lượng: Tăng tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp đại học từ 75% lên > 80% vào năm 2025.

(3) Bình đẳng: Đảm bảo cho tất cả người Malaysia có cơ hội phát huy tiềm năng của họ bất kể nguồn gốc tộc người.

(4) Thống nhất: Đảm bảo các thành viên từ nhiều tộc người trong tổ chức HLIs cùng hướng đến những kinh nghiệm, nguyện vọng và giá trị chung của cộng đồng.

(5) Hiệu quả: Tỷ lệ các công trình nghiên cứu khoa học; tỷ lệ tuyển sinh và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp nằm trong top 25 trên 50 quốc gia được xếp hạng bởi Universitas 21 (U21) (Norliza Mohd Zain, Velantina Aspah, Nor

Aina Mohmud, Normazni Abdullah, Mansoureh Ebrahimib, 2017, tr. 78-87).

Điều đáng chú ý là trong lần đổi mới giáo dục đại học này, Malaysia nhấn mạnh 6 phẩm chất (thuộc tính) then chốt trong cuộc cạnh tranh mang tính toàn cầu. Đó là tri thức, kỹ năng tư duy, kỹ năng lãnh đạo, thông thạo ngoại ngữ, đạo đức và tinh thần, và bản sắc văn hóa. Trong 6 phẩm chất trên, theo chúng tôi phẩm chất đạo đức và tinh thần, bản sắc văn hóa chính là giá trị châu Á và tinh thần tự hào quốc gia - dân tộc rất cần được trang bị cho sinh viên trong bối cảnh hội nhập quốc tế dưới sự tác động của toàn cầu hóa.

+ Về đạo đức và tinh thần: Hệ thống giáo dục phải khắc sâu giá trị đạo đức và tinh thần vào mỗi sinh viên để chuẩn bị cho các em sẵn sàng đương đầu với những thách thức sẽ phải đối mặt trong cuộc đời của người trưởng thành sau này, để biết giải quyết các xung đột một cách hài hòa, để áp dụng những nguyên tắc khéo léo nhất trong những thời điểm khó khăn và để khuyến khích làm những điều đúng đắn. Giáo dục cần nuôi dưỡng các cá nhân để giúp cho mỗi người đóng góp thành quả của mình cho cộng đồng và dân tộc. (Hoàng Minh Tuấn, 2013)

+ Về bản sắc dân tộc: Giáo dục phải làm cho mọi sinh viên cảm thấy tự hào là người Malaysia, không có sự phân biệt tộc người, tôn giáo hay địa vị KT-XH. Muốn vậy, nền giáo dục phải đòi hỏi ở mỗi sinh viên những hiểu biết về lịch sử đất nước và chia sẻ những mong ước chung cho sự phát triển của tương lai.

Ngoài ra, cần quan tâm đến đầu tư phát triển khoa học công nghệ, tạo điều kiện để xây dựng và thúc đẩy xã hội học tập suốt đời: Giáo dục Nhật Bản cũng trải qua nhiều giai đoạn cải cách, tạo điều kiện cho tất cả người Nhật đều có cơ hội tiếp cận giáo dục và xây dựng xã hội học tập, theo đó: (1) Học tập suốt đời đòi hỏi thứ nhất là việc học ở mọi giai đoạn cuộc đời, thứ hai là rà soát lại toàn bộ các hệ thống KT-XH hiện có, bao gồm cả giáo dục, để xây dựng xã hội học tập; (2) Xã hội học tập là xã hội trong đó mọi người được tự do chọn cơ hội học tập vào

bất kỳ lúc nào trong đời và kết quả học tập của họ phải được công nhận một cách thích hợp; (3) Xây dựng xã hội học tập là tư duy chủ đạo cho cải cách giáo dục hướng tới thế kỷ XXI. Việc xây dựng xã hội học tập ở Nhật Bản nhằm đáp ứng 4 yêu cầu cụ thể: (1) cập nhật kiến thức, kỹ năng cho người lao động trong bối cảnh thay đổi nhanh chóng của đời sống KT-XH; (2) khắc phục các tác động tiêu cực của một xã hội vị văn bằng; (3) khắc phục sự phân rã giáo dục tức là tình trạng mất đi sự liên kết cần thiết giữa ba môi trường giáo dục: nhà trường, gia đình và cộng đồng; (4) đáp ứng các yêu cầu học tập của một xã hội già hóa (Vụ Giáo dục thường xuyên, 2018). Song song với đó, Chính phủ Nhật cấp kinh phí nghiên cứu khoa học kỹ thuật cho các cơ quan nghiên cứu công lập như trường đại học, các viện nghiên cứu. Ngoài ra, Hội Chấn hưng Khoa học Nhật Bản (JSPS) cũng lập ra Chương trình cấp kinh phí hỗ trợ nghiên cứu khoa học (Nguyễn Hải Hoàn, 2017). Theo nghiên cứu của Morooka Kenichi, trong năm tài chính 2009, kinh phí chi cho nghiên cứu khoa học ở Nhật Bản khoản 19.000 tỷ yên, trong đó đại học là 3.500 tỷ yên, chiếm 18%. Số lượng nhà nghiên cứu ở Nhật Bản là 850.000 người, trong đó, số nhà khoa học đang làm việc ở trường đại học là 300.000 người, chiếm 36% (Morooka Kenichi 2010, dẫn theo Nguyễn Tiến Lực, 2014, tr. 344).

Truyền tải thông điệp về trọng dụng nhân tài, cam kết về tính minh bạch, công bằng trong tuyển dụng và bổ nhiệm chức vụ trong các nhà trường. Chính điều này đã giúp Singapore tạo được sự thống nhất về triết lý giáo dục trong các nhà trường, sự gắn kết xã hội và kiến tạo tinh thần làm việc hăng say. Hệ thống giáo dục mới của Singapore hướng đến mục tiêu tạo dựng một xã hội công bằng hơn, tốt đẹp hơn, đồng thời phát triển các kỹ năng thích ứng với nền kinh tế kỹ thuật số. Chính sách giáo dục của Singapore đã góp phần giúp Chính phủ hiện thực hóa mục tiêu phát triển dựa trên quản trị công bằng, tránh hiện tượng tiêu cực của việc chạy trường. Bên cạnh đó, mỗi trường đại học ở Singapore đều có những

quy chế và quy định vô cùng nghiêm ngặt, đặc biệt là những quy định về các hành vi mà sinh viên không được vi phạm và nếu vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật rất nghiêm minh.

Trên hết vẫn là chính sách và quản lý giáo dục đại học. Sự tham gia ý kiến từ Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam; các viện nghiên cứu về giáo dục về vai trò của Hội đồng trường trong bối cảnh tự chủ giáo dục đại học Việt Nam hội nhập khu vực và thế giới thiết nghĩ rất cần thiết và quan trọng. Hiện tại, Thái Lan có 27 trường đại học theo hình thức tự chủ. Sau 10 năm tự chủ, học phí Trường Đại học Burapha đã tăng gần 50%, mặc dù số lượng sinh viên đăng ký vào trường tăng theo chất lượng tuy nhiên phân nửa chọn đăng ký vào các ngành kinh doanh, những ngành về khoa học xã hội và nhân văn lại thiếu sinh viên trầm trọng. Để tránh theo vết xe đổ của Thái Lan trong câu chuyện tự chủ đại học không có sự quan tâm hỗ trợ từ chính phủ, chúng ta có thể tham khảo mô hình của Singapore đối với các trường có thể mạnh đào tạo về các ngành khoa học cơ bản, khoa học xã hội và nhân văn: Trong số 6 trường đại học công lập tự chủ ở Singapore, có 2 trường nằm trong top 20 thế giới theo đánh giá của Hệ thống tư vấn thị trường giáo dục Anh năm 2015 là Đại học Quốc gia Singapore - hạng 12 và Đại học Công nghệ Nanyang - hạng 13. Theo nhiều chuyên gia nhận xét xu hướng của Singapore chỉ là bán tự chủ vì dù tự chủ, các trường đại học ở nước này vẫn nhận được hỗ trợ kinh phí hoạt động 75 - 90% từ nhà nước để đảm bảo nguồn nhân lực đa dạng cho sự phát triển toàn diện của đất nước. Bên cạnh đó các trường còn được ưu đãi về nhiều cơ chế thoáng như hội đồng trường được ghi nhận quyền lãnh đạo cao nhất, có thể quyết định mọi chiến lược phát triển bao gồm tuyển sinh, nhân sự, phân bổ kinh phí, lương, thưởng... (Trọng Nhân, 2019)

Để hội đồng trường có thực quyền, trung bình số lượng hội đồng trường ở Singapore khoảng 20 người, bao gồm các nhà quản lý giáo dục, các doanh nhân thành đạt. Dưới hội đồng

trường có 8 - 10 ban chuyên trách để giúp và cùng với hiệu trưởng trực tiếp điều hành các quyết sách của hội đồng trường.

3. Kết luận

Việt Nam nằm trong nhóm các nước ảnh hưởng sâu sắc bởi nền giáo dục Nho Giáo. Trong thời phong kiến, nền giáo dục Việt Nam thực chất là nền giáo dục Nho học, với mục tiêu là xây dựng mẫu người lý tưởng cho xã hội lúc bấy giờ, đó là người quân tử, theo đó giáo dục chủ yếu là về đạo đức, rèn cho người học văn hay, chữ tốt, trung với vua, hiếu với cha mẹ; không đào tạo về khoa học hay kỹ thuật tự nhiên. Triết lý tôn sư trọng đạo xuất phát từ thời Nho giáo đã trở thành một truyền thống tốt đẹp trong văn hóa của người Việt Nam cũng phù hợp với văn hóa học đường các nước Phần Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore... - tôn trọng nghề giáo. Tuy nhiên, cần phải có chính sách xây dựng và phát triển đội ngũ ưu tú bổ sung vào nguồn nhân lực quản lý giáo dục đại học, giảng dạy đại học theo yêu cầu của thời đại mới có thể duy trì và phát huy văn hóa học đường truyền thống trong bối cảnh quốc tế hóa giáo dục và tự chủ đại học như hiện nay.

Trong bài viết, chúng tôi chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa học đường truyền thống trong thế kỷ XXI như cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0; Luật Giáo dục sửa đổi 2019, Nghị định liên quan đến tự chủ đại học; sự phát triển KT-XH, đặc biệt là công nghệ thông tin, văn hóa xã hội và văn hóa gia đình,... Theo đó, để văn hóa có thể phát huy được sức mạnh trong phát triển giáo dục, qua việc tham khảo những bài học kinh nghiệm từ một số quốc gia trên thế giới, chúng tôi đề xuất một số ý kiến góp phần xây dựng văn hóa học đường trong các trường đại học Việt Nam với mong muốn nâng cao hơn nữa vai trò của giáo dục đại học Việt Nam trong thế kỷ XXI, trong đó có tự chủ đại học, góp phần xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng phát triển kinh tế tri thức.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài nghiên cứu khoa học Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, mã số A2018-18b-01./.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (12/8/2016). Tóm lược lịch sử phát triển Giáo dục và Đào tạo Việt Nam”. *Bộ Giáo dục và Đào tạo*. Truy cập từ <https://moet.gov.vn/gioi-thieu/lich-su-phat-trien/Pages/default.aspx?ItemID=4089>.
- Hoàng Minh Tuấn. (9/10/2013). Giáo dục Malaysia tốt lên thế nào?. *Vietnamnet*. Truy cập từ <https://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/giao-duc-malaysia-tot-len-the-nao-143556.html>.
- Lan Vũ. (12/12/2018). Luật Giáo dục Đại học Việt Nam sửa đổi năm 2018 có gì mới?. *LuatVietnam*. Truy cập từ <https://luatvietnam.vn/tin-phap-luat/luat-giao-duc-dai-hoc-sua-doi-2018-co-gi-moi-230-18317-article.html>.
- Lan Vũ. (6/7/2019). Quy định mới của Luật Giáo dục 2019 liên quan đến mọi giáo viên. *LuatVietnam*. Truy cập từ <https://luatvietnam.vn/tin-phap-luat/4-quy-dinh-moi-cua-luat-giao-duc-2019-lien-quan-den-moi-giao-vien-230-21604-article.html>.
- Nguyễn Tiến Lực. (2014). *Chính sách liên kết giữa đại học và doanh nghiệp ở Nhật Bản - bài học cho Việt Nam*. “Đào tạo nguồn nhân lực ở Nhật Bản bài học cho Việt Nam”. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Ngọc Thư. (2/10/2016). Chông tham những kiểu Hàn Quốc. *Quân đội nhân dân Online*. Truy cập từ <https://www.qdnd.vn/thoi-su-quoc-te/doi-song-quoc-te/chong-tham-nhung-kieu-han-quoc-490715>.
- Nguyễn Văn Ty. (16/8/2019). Đổi mới giáo dục đại học trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0. *Tạp chí Lý luận chính trị*. Truy cập từ <http://tuyengiao.vn/nghien-cuu/ly-luan/doi-moi-giao-duc-dai-hoc-trong-boi-can-cach-mang-cong-nghiep-4-0-123652>.
- Phạm Đức Chính và Nguyễn Tiến Dũng. (Đồng chủ biên) (2014). *Giáo dục Đại học Việt Nam góc nhìn từ lý thuyết kinh tế - tài chính hiện đại*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
- Pasi Sahlberg (2017). *Bài học Phần Lan - Finnish Lessons 2.0*. Hà Nội: NXB Thế giới.
- Trần Ngọc Thêm. (2018). Văn hóa học đường Việt Nam trong thời kỳ phát triển và hội nhập: Vài nét về con đường từ lý luận đến thực tiễn. Kỷ yếu hội thảo quốc tế *Văn hóa học đường đại học Việt Nam trong thời kỳ phát triển và hội nhập*. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trọng Nhân. (16/6/2019). Đề đại học tự chủ toàn diện - Kỳ 4: Nhìn từ các nước ASEAN. *Tuổi trẻ Online*. Truy cập từ <https://tuoitre.vn/de-dai-hoc-tu-chu-toan-dien-ky-4-nhin-tu-cac-nuoc-asean-20190616102156417.htm>.
- Trung tâm Truyền thông Giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo. (10/3/2019). Ngành giáo dục sẵn sàng cho nguồn nhân lực 4.0. *Bộ Giáo dục và Đào tạo*. Truy cập từ <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-bo.aspx?ItemID=6284>.
- Võ Đình Trí. (19/6/2018). Cử nhân thất nghiệp: quá lãng phí nguồn lực. *Thời báo Kinh tế Sài Gòn Online*. Truy cập từ <https://www.thesaigontimes.vn/273812/cu-nhan-that-nghiep-qua-lang-phi-nguon-luc-.html>.
- Norliza Mohd Zain, Velantina Aspah, Nor Aina Mohmud, Normazni Abdullah, Mansoureh Ebrahimib. (2017). Challenges and Evolution of Higher Education in Malaysia. *International Journal of Islamic and Civilizational Studies*, Vol.4, No.1-1. 78-87.